

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27-4-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lại Thị Thúy Hằng
ông Phạm Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 241/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Ngô Thị Xuân T, sinh năm: 1978; địa chỉ: tổ 6, ấp CĐ, xã C, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1973; địa chỉ: tổ 5, ấp T, xã T, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

(chị T và anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị không hòa giải, đơn xin vắng mặt, nguyên đơn là chị Ngô Thị Xuân T trình bày: chị và anh P đã tìm hiểu nhau, sau đó sống chung như vợ chồng từ năm 1997, đến năm 2002 thì cả tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của hai người. Vợ chồng chung sống khá hạnh phúc đến năm 2014 thì mâu thuẫn đến nay và càng về sau thì mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân xuất phát từ việc anh P thường xuyên nhậu nhẹt rồi chửi bới to tiếng với chị. Tình trạng này kéo dài khiến chị lo sợ nên từ ngày 14/8/2020 chị T về nhà cha mẹ để ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị

T cảm thấy giữa vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, mâu thuẫn cũng không giải quyết được nên yêu cầu ly hôn với anh P.

Thời gian chung sống vợ chồng có 03 con chung, trong đó cháu Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1998, Nguyễn Ngọc P1, sinh năm: 2000, đã trưởng thành và có khả năng lao động; cháu Nguyễn H, sinh ngày: 06/7/2014 sống cùng mẹ trong thời gian vợ chồng ly thân nên khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và vợ chồng không có nợ chung.

** Bị đơn vắng mặt trong tất cả các lần triệu tập làm việc của Tòa án nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* về quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật, quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật. Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình (sau đây viết tắt là Luật HN&GD) năm 2014; khoản 1 Điều 85, Điều 87, khoản 1 Điều 89, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 94 Luật HN&GD năm 2000 để giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị cho chị T được ly hôn anh P; con chung: giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không ai yêu cầu nên không xem xét; chị T nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Ngô Thị Xuân T có đơn khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn P yêu cầu ly hôn, giao quyền nuôi con chưa thành niên khi ly hôn nên xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị T là nguyên đơn, anh P là bị đơn và có nơi đăng ký thường trú tại huyện CM nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện CM.

Nguyên đơn (chị Ngô Thị Xuân T) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn (anh Nguyễn Văn P) vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng nên việc xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Ngô Thị Xuân T và anh Nguyễn Văn P đã đăng ký kết hôn và được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 27/12/2002, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T nhận thấy: theo lời khai của người làm chứng là anh Nguyễn Thành Đ (con chung của chị T và anh P) thì việc anh P

nhiều lần nhậu nhẹt say xỉn về chửi bới chị T là có thật. Đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến việc chị T đã về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân từ tháng 8/2020 đến nay. Mâu thuẫn giữa hai người đã đến mức trầm trọng khiến đời sống chung không còn trong thực tế, hôn nhân không đạt được mục đích; do đó yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: vợ chồng có 03 con chung gồm Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1998, Nguyễn Ngọc P1, sinh năm: 2000, Nguyễn H, sinh ngày: 06/7/2014. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H vì thời gian vợ chồng ly thân cháu sống cùng mẹ. Yêu cầu của chị T là phù hợp với nguyện vọng của cháu H nên HĐXX chấp nhận giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T không yêu cầu nên tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Ngô Thị Xuân T phải nộp án phí theo quy định.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên: về đường lối giải quyết vụ án phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với quan điểm của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; các điều 9, 11, 12 của Luật HN&GD năm 2000; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật HN&GD năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Ngô Thị Xuân T được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung, cấp dưỡng: giao cháu Nguyễn H, sinh ngày: 06/7/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản; và khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Riêng các cháu Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1998 và Nguyễn Ngọc P1, sinh năm: 2000 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: chị Ngô Thị Xuân T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0009425 ngày 21/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM; chị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Hà Thế Nam